

# TRI THỨC BẢN ĐỊA TRONG MỘT SỐ LĨNH VỰC SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP CỦA NGƯỜI TÀY TỈNH BẮC KẠN

TRẦN NGỌC NGOẠN, NGUYỄN VĂN ANH

**Tóm tắt:** Trên cơ sở khảo cứu tư liệu các kết quả nghiên cứu của dự án “Làng sinh thái nông nghiệp bền vững, sản xuất sạch và an toàn tại tỉnh Bắc Kạn”, bài viết nghiên cứu thực trạng ứng dụng tri thức bản địa trong bảo tồn các loại cây, con bản địa, các kỹ thuật canh tác truyền thống trong sản xuất nông nghiệp của người Tày tỉnh Bắc Kạn. Những kiến thức này không được ghi chép, chủ yếu được truyền lại trong cộng đồng thông qua truyền miệng, thói quen canh tác từ thế hệ này sang thế hệ khác. Kết quả nghiên cứu là cơ sở cho việc đề xuất các giải pháp bảo tồn và sử dụng, phát huy hiệu quả tri thức bản địa của người Tày, kết hợp với các tiến bộ khoa học kỹ thuật đối với một số giống cây, con bản địa đang có nguy cơ bị suy thoái và biến mất.

**Từ khóa:** tri thức bản địa, người Tày, sản xuất nông nghiệp, Bắc Kạn

## INDIGENOUS KNOWLEDGE IN SOME AGRICULTURAL PRODUCTION AREAS OF THE TAY PEOPLE IN BAC KAN PROVINCE

**Abstract:** Based on literature review of research results of the project “Sustainable agricultural ecological village, clean and safe production in Bac Kan province”, this article studies the current status of applying indigenous knowledge in preserving native plants and animals, and traditional farming techniques in agricultural production of the Tay people in Bac Kan province. This knowledge is not recorded and mainly passed down in the community through word of mouth and farming habits from generation to generation. The research results are the basis for proposing solutions to effectively preserve, conduct and promote the indigenous knowledge of the Tay people, combined with scientific and technical advances for a number of indigenous plant and animal varieties which are in danger of degradation and extinction.

**Keywords:** indigenous knowledge, agricultural production, Tay people, Bac Kan province

### 1. Đặt vấn đề

Khái niệm “tri thức bản địa” được định nghĩa theo nhiều cách khác nhau và ngày càng được bổ sung và hoàn thiện hơn. Các tên gọi khác còn được sử dụng như: “tri thức địa phương” (local knowledge), “kiến thức dân gian” (folk knowledge). Về cơ bản, có thể khái quát “tri thức bản địa” là tri thức được hình thành trong quá trình lịch sử lâu dài, qua kinh nghiệm ứng xử của con người với môi trường và xã hội; được

lưu truyền từ đời này qua đời khác qua trí nhớ, qua thực tiễn sản xuất và thực hành xã hội.

Tri thức bản địa chứa đựng trong tất cả các lĩnh vực của cuộc sống xã hội như sản xuất, truyền thụ kiến thức qua các thế hệ trong giáo dục; bảo vệ, quản lý và khai thác hợp lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên; tổ chức quản lý cộng đồng, giá trị xã hội, các luật lệ truyền thống trong làng bản... Phân tích và ứng dụng tri thức bản địa nhằm tìm kiếm những giải pháp cổ

truyền cũng như giá trị của các tài nguyên mà khoa học hiện đại chưa biết tới.

Ngày nay, sản xuất hàng hóa quy mô lớn là một trong những nguyên nhân dẫn đến mất đa dạng sinh học, gây ô nhiễm môi trường và biến đổi khí hậu. Một số chính sách và chương trình hỗ trợ phát triển nông nghiệp thường được hoạch định “từ trên xuống”, thúc đẩy các mô hình sản xuất “công nghiệp hóa”, “công nghệ cao”, điều này ít phù hợp với văn hóa, lối sống, tập quán sản xuất, tri thức bản địa, thiết chế thôn bản, điều kiện tự nhiên của từng vùng, từng dân tộc. Khai thác tri thức bản địa trong duy trì và phát triển các giống cây trồng, vật nuôi bản địa, trong hệ thống canh tác/sản xuất nông nghiệp đang là xu hướng chung của nhiều quốc gia phục vụ cho phát triển kinh tế, bảo tồn được nguồn gen quý.

Bắc Kạn nằm ở trung tâm nội địa vùng Đông Bắc Bắc Bộ, là nơi sinh sống chủ yếu của nhiều dân tộc thiểu số. Dân số toàn tỉnh là 324.353 người (năm 2022), trong đó hơn 88% dân số là đồng bào dân tộc thiểu số. Trên địa bàn tỉnh có 35 dân tộc cùng sinh sống, nhiều nhất là các dân tộc Tày, Nùng, Kinh, Dao, Mông, Hoa và Sán Chay, Mường, Sán Dìu. Trong đó, dân tộc Tày có 165.055 người (chiếm 52,58%), dân tộc Dao có 56.067 người (chiếm 17,86%), dân tộc Nùng 28.709 người (chiếm 8,85%), dân tộc Mông có 22.608 người (chiếm 7,2%), dân tộc Sán Chay có 1.680 người (chiếm 0,54%), dân tộc Hoa có 822 người (chiếm 0,26%), dân tộc Sán Dìu có 335 người (chiếm 0,11%), dân tộc Kinh có 37.615 người (chiếm 11,98%) [10].

Sản xuất nông nghiệp chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu kinh tế tỉnh Bắc Kạn. Nhiều giống cây, con được ví như là "đặc sản" nổi tiếng gắn liền với những địa danh cụ thể, như: lúa nếp cái hoa vàng bản địa, ngô nếp bản địa, lạc bản địa,

quýt bản địa, sắn bản địa, hồng không hạt; các vật nuôi bản địa như trâu, lợn mán, gà... Việc phục hồi, bảo tồn và phát huy các giống cây bản địa được đặc biệt quan tâm, mang lại hiệu quả kinh tế, tạo nên những thương hiệu đặc trưng riêng có của địa phương.

Tuy nhiên, do nhiều yếu tố, các giống cây, con bản địa này đang bị thoái hóa, phân ly, giảm phẩm cấp và chất lượng vốn có. Do đó, việc nghiên cứu và thiết lập lại những tri thức bản địa là những hoạt động quan trọng trong việc xây dựng các hệ thống thực phẩm bền vững ở các vùng đồng bào dân tộc thiểu số nói chung và người Tày ở Bắc Kạn nói riêng.

## **2. Cơ sở dữ liệu và phương pháp nghiên cứu**

Dữ liệu sử dụng được tổng hợp từ một số tài liệu nghiên cứu về tri thức bản địa đã đăng tải trên các tạp chí chuyên ngành trong nước; các tài liệu từ báo cáo “Kết quả nghiên cứu về một số giống và kiến thức bản địa trong lĩnh vực nông nghiệp của cộng đồng dân tộc thiểu số tỉnh Bắc Kạn” ở xã Yên Cư, huyện Chợ Mới; xã Bằng Phúc, huyện Chợ Đồn và xã Vũ Loan, huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn.

Bài viết chủ yếu sử dụng phương pháp tổng hợp và phân tích tài liệu; khảo sát thực địa, phương pháp phỏng vấn sâu, quan sát ở 3 xã: Yên Cư, Bằng Phúc và Vũ Loan.

## **3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận**

### **3.1. Một số giống cây trồng, vật nuôi bản địa của người Tày ở Bắc Kạn**

#### *(1) Các loại cây lương thực*

- *Giống lúa nếp hạt tròn* (tên địa phương: *khẩu nua lương*):

Đây là giống lúa nương được người nông dân đưa xuống trồng thành giống lúa nước. Đặc điểm cây cao 1,2 m, một khóm có khoảng 10 bông, mỗi bông có 100 hạt, hạt gạo màu trắng, thơm; nấu cơm ngon và dẻo, gạo rất thích hợp

để làm bánh chung, bánh dày và các loại bánh của dân tộc Tày.

Đây là giống lúa nếp có khả năng chống chịu sâu bệnh, chịu rét tốt và có khả năng chống đổ tốt, có giá trị về kinh tế cũng như giá trị về chất lượng gạo, là một nguồn gen quý để chọn tạo giống mới. Là giống lúa địa phương được trồng lâu ngày nên giống đang dần bị thoái hóa. Theo người dân Bản Chang (xã Bằng Phúc huyện Chợ Đồn): việc chọn lọc để giống cho vụ sau được người dân chọn ngay trên ruộng lúa của gia đình, khi lúa chín người dân chọn những bông lúa to, hạt nhiều, đều, chắc mấy đem về để giống cho vụ sau. Tuy nhiên, do việc sản xuất đại trà, lúa bị lẫn tạp cũng như quá trình thụ phấn chéo của cây lúa nên giống lúa nếp cổ truyền đang bị thoái hóa và mất đi một số đặc điểm vốn có trước đây.

- *Giống ngô nếp* (tên địa phương: *bắp lương*):

Đây là giống có từ lâu đời được truyền lại và truyền từ nhà này sang nhà khác. Giống ngô nếp địa phương có thể chống chịu với điều kiện thời tiết lạnh, nhất là có khả năng chịu hạn hơn tất cả các giống ngô mới hiện đang trồng ở bản; là giống có đặc tính nguồn gen quý có thể phát triển trong điều kiện biến đổi khí hậu.

Theo người dân thôn Nà Quảng (xã Vũ Loan, huyện Na Rì), cây ngô thường thích nghi với tất cả các loại đất như: đất đồi, đất nương, đất ruộng... nhưng nông dân nơi đây thường chọn những nơi đất tốt để trồng ngô như đất ruộng và đất bãi sẽ cho bắp to và hạt đều hơn.

Tuy nhiên do năng suất thấp, bắp bé nên diện tích trồng ngô của các hộ ngày càng giảm, chỉ trồng để gia đình sử dụng và mỗi hộ chỉ trồng với diện tích nhỏ khoảng 200 m<sup>2</sup>, cộng với việc gieo trồng không đúng kỹ thuật nên đã làm thoái hóa các đặc tính riêng vốn có của nó; dẫn đến ngày càng hiếm dần và có nguy cơ tuyệt chủng.

- *Giống khoai lang* (tên địa phương: *mần búng*):

Theo người dân thôn Nà Quảng (xã Vũ Loan, huyện Na Rì), giống khoai lang này đã được trồng từ lâu, được duy trì và truyền lại các kinh nghiệm trồng cho các thế hệ sau. Đặc điểm giống: thân cây, cuống lá màu tím, lá có hình tim, xẻ rãnh nông, củ màu tím, đây là giống khoai rất bở, ruột có màu tím, trắng xen kẽ.

Khoai được người dân trồng vào khoảng tháng 7 trên đất làm mạ, sau khi làm mạ xong người dân thường tháo nước cho khô ruộng, cày bừa để trồng khoai lang tận dụng thêm 1 vụ sản xuất. Sau khi trồng khoảng 3 tháng có thể thu hoạch được, khi thu hoạch người dân thường thu cả củ, cả thân đem bó thành bó treo lên. Khoai lang là cây không đem lại giá trị kinh tế lớn, do đó có nguy cơ bị tuyệt chủng rất cao.

Theo các nghiên cứu của Học viện Nông nghiệp Việt Nam, nguồn gen và bộ gen để chọn tạo giống khoai lang vẫn còn rất thiếu, điều này đang cản trở việc sử dụng thêm các công cụ cải tiến cây trồng hiện đại như chọn lọc bộ gen, chỉnh sửa bộ gen và đánh giá kiểu hình hiệu năng cao [9]. Do đó, cần có những giải pháp hỗ trợ người dân nhân giống để bảo tồn nguồn gen và duy trì giống khoai lang này.

- *Giống sắn bản địa* (tên địa phương: *mắn may*):

Đặc điểm giống: cây cao khoảng 2 m, lá to xẻ thùy thành 5 phần, xanh nhạt hơn các giống mới đưa về, cuống lá màu đỏ, củ màu đỏ ruột trắng.

Theo người dân ở Bản Chang (xã Bằng Phúc, huyện Chợ Đồn), những đặc tính quý của cây sắn địa phương như nhiều tinh bột hơn, có mùi thơm và có khả năng chịu khô hạn tốt, cũng như cho năng suất cao trong điều kiện thời tiết khắc nghiệt, trồng chủ yếu để làm lương thực trong gia đình, thường được dùng làm bột trộn

với gạo nếp làm bánh và rất phù hợp làm thức ăn cho chăn nuôi.

Do năng suất không cao nên người nông dân đang thay dần bằng các giống sản mới dẫn đến nguồn gen của giống sản này đang có nguy cơ bị mất. Theo người dân địa phương, họ mong muốn duy trì trồng giống sản địa phương để phục vụ nhu cầu của gia đình, vì vậy cần có những hỗ trợ trong bảo tồn nguồn gen này.

*(2) Cây ăn quả*

- *Giống mận bản địa* (tên địa phương: *mác mận thương*):

Giống có nguồn gốc từ xa xưa do cha ông truyền lại kinh nghiệm trồng trọt cho đời sau, nhân giống bằng hạt hoặc chiết cành. Cây dạng thân gỗ, to, phân cành nhiều; hoa có 5 cánh, màu trắng, nhụy màu vàng; quả còn nhỏ có màu xanh, khi quả chín có màu tím. Cây mận ra hoa vào tháng 1 và cho thu hoạch vào tháng 5, sản lượng quả tùy thuộc vào độ tuổi của cây có thể cho từ 3 - 4 kg/cây; cây lâu năm có thể cho từ 30 đến 50 kg/cây.

Theo người dân Bản Rịa (xã Yên Cư, huyện Chợ Mới), cây mận bản địa có nhiều đặc tính quý, dễ trồng, không tốn nhiều công chăm sóc, quả to, ăn ngọt, ít bị tác động bởi biến đổi khí hậu, có khả năng chịu hạn, chịu lạnh và chịu sâu bệnh rất tốt. Cây có thể tự mọc trong vườn nhưng vẫn cho quả và cho năng suất; người dân gần như không có các giải pháp cho việc duy trì chất lượng quả, nên cây rất dễ có nguy cơ bị thoái hóa. Đây là nguồn gen quý ở địa phương, do đó cần có những phương pháp bảo tồn.

- *Giống quýt bản địa* (tên địa phương: *mác cam quýt*):

Là những cây được trồng từ rất lâu tại địa phương. Cây cao khoảng 3 m, tán rộng khoảng 1,5 m, hoa màu trắng, quả to có màu vàng đỏ, ngọt, nhiều nước, ít hạt; trọng lượng quả khoảng

12 quả/1kg. Cây thích nghi với cả đất đồi, đất bãi hay trồng trong vườn nhà xen với các loại cây ăn quả khác.

Theo người dân Bản Rịa (xã Yên Cư, huyện Chợ Mới), cây quýt bản địa có những đặc tính quý như tính chịu hạn, chịu lạnh tốt; có khả năng kháng các loại bệnh khác như: nhện đỏ, bọ trĩ và bệnh ghê; ngoại trừ sâu đục thân. Cây cho năng suất khá so với các giống quýt mới hiện nay. Là giống quýt ngọt nên rất được thị trường ưa thích hơn các loại khác, nếu có nhu cầu bán, sẽ có thương lái đến tận nhà mua với giá 15.000 đ/kg; trước đây giá bán chỉ được 9.000 đ đến 10.000 đ/kg.

Tuy nhiên, hiện nay, đất trồng bạc màu, chế độ chăm sóc không được đảm bảo nên chất lượng không ngọt như trước đây và năng suất quả giảm; ít người trồng, có nguy cơ bị tuyệt chủng. Do đó, cần có các giải pháp hỗ trợ người dân bảo tồn nguồn gen quý đang mất dần ở nơi đây.

- *Giống lê bản địa* (tên địa phương: *mác lì*):

Là một loại cây ăn quả được biết đến từ rất lâu đời ở nơi đây; cây mọc hoang dại ở trong rừng và được người dân mang về trồng trong vườn nhà. Cây thân gỗ, cao khoảng 5 - 7 m, lá hơi tròn và nhẵn, hoa màu trắng, quả lúc nhỏ màu xanh khi lớn gần chín màu trắng hồng.

Theo người dân Bản Đàng (xã Vũ Loan, huyện Na Rì), quả lê được trồng ở địa phương ăn giòn và ngon, mát rất nhiều nước và ngon hơn lê ở nơi khác; quả to khoảng 3 - 4 quả/1kg. Do quả dễ bán và được thương lái thu mua tại vườn và có thể thu mua hết nếu gia đình có nhu cầu bán, nên cây lê là một trong những loại cây mang lại giá trị kinh tế và khả năng trở thành cây hàng hóa, đang được người dân phát triển ngày càng mạnh. Cây lê trồng 10 năm cho năng suất có thể đạt gần 2 tạ quả.

Người dân nơi đây đang phát triển mạnh giống lê này, đây là nguồn gen quý cần có các giải pháp hỗ trợ người dân bảo tồn.

- *Giống hồng không hạt bản địa* (tên bản địa: *mác hồng*):

Là một loại cây mọc hoang dại trên đồi được người dân phát hiện mang về trồng và sử dụng như một trong những cây ăn quả chính trong gia đình. Cây thân gỗ cao khoảng 3 - 5 m; thân cành đứng, phân cành chủ yếu là cành cấp 1 rất ít cành cấp 2, 3; lá to, hơi tròn, trên lá rất nhiều lông, hoa màu vàng và to; có khả năng chịu hạn rất tốt nhưng về mùa đông chúng thường rụng lá để có thể chống chịu được cái giá lạnh. Quả khi nhỏ có màu xanh và chuyển dần sang vàng, khi chín chuyển màu đỏ; quả ăn giòn ngọt, không thơm, quả nhỏ khoảng 10 - 12 quả/1kg.

Theo người dân ở Bản Chang (xã Bằng Phúc, huyện Chợ Đồn), giống hồng không hạt tại địa phương có giá trị kinh tế cao và có khả năng phát triển thành hàng hóa. Quả được thương lái thu mua tận vườn và không có giới hạn về số lượng, giá bán đạt 10.000 - 12.000 đ/kg. Là nguồn gen quý, người dân rất mong muốn tạo một thương hiệu riêng cho địa phương, để có thể phát triển mạnh tại đây và có những phương pháp bảo tồn cho cây ăn quả vùng này.

### (3) Một số vật nuôi bản địa

- *Giống trâu bản địa* (tên địa phương: *to vại*):

Giống trâu tại bản Nà Quảng (xã Vũ Loan, huyện Na Rì) có từ lâu đời, giống được người dân tộc Tày tự để giống từ đời cha ông và được chăn nuôi đến ngày nay. Theo người dân địa phương, vì trâu được thuần hóa từ lâu đời nên thích nghi rất tốt với điều kiện sinh thái của vùng. Hình dáng trâu dài 2 m; cao 1,5 m; nặng từ 2 - 3 tạ; đây là giống trâu địa phương có nhiều tính trạng quý như chịu rét tốt hơn các giống trâu khác, thích nghi với nhiều loại thức ăn của địa

phương, ít bị dịch bệnh, chất lượng thịt ngon hơn trâu thường. Đây cũng là nguồn gen quý cần được bảo tồn và phát triển trong ngành chăn nuôi ở địa phương.

Hiện đa số các hộ trong bản vẫn nuôi trâu, mỗi hộ nuôi ít nhất từ 1 - 3 con; hộ nuôi nhiều từ 7 - 9 con; trâu chủ yếu để phục vụ cày kéo, vận chuyển gỗ, phân bón và hoa màu... Số lượng trâu của các hộ nuôi nhiều nhưng các kiến thức về phòng trừ dịch bệnh cho đàn trâu lại chưa được biết nhiều. Vì vậy, cần tổ chức các lớp tập huấn cho người dân địa phương về biện pháp phòng trừ dịch bệnh cũng như phổ biến các loại thuốc chữa bệnh cho trâu.

- *Giống lợn mán bản địa* (tên địa phương: *mu ót*):

Giống lợn mán được người dân thôn Chang Ngòi, xã Vũ Loan lấy giống từ bản người Dao và đã nuôi giống này từ rất lâu. Do người Dao và người Tày trong vài chục năm trở lại đây đã sống gần nhau hơn, vì thế giống này được người Tày thuần hóa và trở thành những giống vật nuôi bản địa.

Đặc điểm giống: lợn mán thông thường màu đen đôi khi có khoang trắng (lai một phần lợn rừng). Trên mình có lông rất dày; dễ nuôi nhưng nhược điểm là chậm lớn; năm đầu, con tốt cho khoảng 25 kg, sau 3 năm mới được 60 kg; lợn trưởng thành dài khoảng 1 m, cao khoảng 70 cm.

Theo kinh nghiệm để chọn được giống lợn mán tốt phải chọn những con to, mông to, thân hình đầy đặn, mõm dài, khỏe mạnh; nhất là những con giống với lợn mẹ; giống lợn này thường hoạt động rất tốt, ăn khỏe. Hiện tại giống lợn này được nhiều hộ trong bản nuôi với số lượng lớn. Đây là giống lợn có nhiều đặc điểm phù hợp với người dân như: ít phải chăm sóc, thích hợp với nhiều loại thức ăn của

địa phương, chịu lạnh, ít dịch bệnh, chất lượng thịt thơm ngon.

Hiện nay, theo nhu cầu của thị trường đang có xu hướng ăn thịt lợn mán nhiều hơn nên lợn mán được người dân nơi đây nuôi ngày càng tăng; một mặt để phục vụ nhu cầu thực phẩm trong các ngày lễ, tết và khi có việc có thể bán.

Tuy nhiên, trước xu hướng phát triển giống lợn lai, các giống lợn bản địa đang có nguy cơ biến mất. Lợn mán là một trong số giống lợn bản địa đã được đưa vào danh mục “Nguồn gen vật nuôi quý hiếm cần bảo tồn của Việt Nam”. Do đó, người dân và chính quyền địa phương cần có những giải pháp trong công tác bảo tồn nguồn gen giống lợn mán ở địa phương.

- *Giống gà bản địa (tên địa phương: tu cáy):*

Giống gà tại bản Chang (xã Bằng Phúc, huyện Chợ Đồn) có nguồn gốc từ xưa do người Tày tự nhân giống để lại. Theo người dân địa phương, giống gà này có nguồn gốc từ gà rừng được người Thái xưa thuần hóa thành gà địa phương. Đặc điểm giống: gà mái cao khoảng 20 cm; gà trống cao 25 cm; lông gà màu vàng, đỏ, đen lẫn lộn, chân gà màu vàng, rất ít dịch bệnh; gà con lông màu nâu. Thịt gà màu trắng xám, thịt chắc, ngon, da vàng ăn giòn.

Giống gà này được coi là con vật nuôi mang lại giá trị kinh tế. Hiện nay, hầu hết các hộ gia đình trong thôn đều nuôi giống gà bản địa này, mỗi hộ nuôi khoảng 60 đến 70 con. Gà thường được nuôi thả tự nhiên trên đồi hoặc trong vườn nhà ngay từ khi mới ấp nở vì theo người dân chỉ có nuôi thả tự nhiên thì gà mới béo và khỏe mạnh; gà tự kiếm ăn là chính.

Những năm gần đây do có dịch cúm, gà thả rông rất dễ lây bệnh cho nhau; nên việc bảo tồn nguồn gen gà bản địa nơi đây trở nên cấp thiết, vì một khi nguồn gen bị mất đi sẽ không có cách nào phục hồi được.

### **3.2. Các tri thức bản địa trong canh tác/sản xuất nông nghiệp của người Tày tỉnh Bắc Kạn**

#### **3.2.1. Phương thức sử dụng đất nông nghiệp**

Người Tày có một nền nông nghiệp cổ truyền khá phát triển với đủ loại cây trồng (như lúa, ngô, khoai, rau quả...), mùa nào thức đó. Kinh nghiệm trong sản xuất nông nghiệp vô cùng quan trọng và có giá trị, lưu truyền trong từng dân tộc và trao đổi với các dân tộc khác.

Người Tày thường cư trú ở khu vực thấp như chân rừng, thung lũng đồng bằng nhỏ hẹp. Theo lời kể của người dân các địa phương được khảo sát, ngày trước khi cha ông đi chọn đất lập bản thì họ đã biết chọn chỗ đất bằng phẳng cạnh suối để dựng nhà lập nghiệp. Chọn chỗ đất sâu để cấy lúa, chọn đất soi bãi (được bồi đắp từ sông, suối) để trồng hoa màu, chọn chỗ đất cao bằng phẳng để dựng nhà sinh sống.

Đồng bào có truyền thống làm ruộng bậc thang, ruộng nước. Ruộng bậc thang là một hình thức canh tác với nét đặc trưng riêng của cư dân vùng cao. Kỹ thuật làm ruộng bậc thang chứng minh năng lực chinh phục thiên nhiên và thái độ sống hài hòa với thiên nhiên của người dân thích ứng với biến đổi khí hậu và là nguồn tài nguyên có giá trị cần bảo tồn và phát huy để góp phần phát triển.

Tuy xã hội có nhiều sự thay đổi, nhưng đời sống của người dân ở đây vẫn gắn liền với sản xuất nông nghiệp và chăn nuôi gia súc, gia cầm. Các gia đình vẫn canh tác trên mảnh đất mà ông cha họ để lại, biết phân biệt từng loại đất để trồng các loại cây trồng khác nhau và đòi hỏi một chế độ chăm sóc không giống nhau. Kinh nghiệm của ông cha họ để lại về đất trồng có ý nghĩa rất quan trọng để xác định loại cây phù hợp cho mùa bội thu.

Các giá trị dân gian trong việc sử dụng đất nông nghiệp của người Tày là những kiến thức

quý báu để lại cho các thế hệ sau. Những kiến thức này tồn tại không thành văn, mang tính chất định tính dựa vào kinh nghiệm tích lũy dần trong quá trình sản xuất. Việc lưu giữ những giá trị truyền thống này phụ thuộc rất lớn vào ý thức của người dân và chính quyền địa phương.

### 3.2.2. Kinh nghiệm tưới tiêu và sử dụng phân bón cho cây trồng

Các bản làng người Tày tập trung sinh sống dọc theo bờ suối. Việc sử dụng, quản lý nguồn nước tưới, nước sinh hoạt là vấn đề quan trọng và được cả cộng đồng cùng hợp sức thực hiện.

Hệ thống cung cấp nước lấy từ suối dựa vào việc người dân làm cọn nước. Cọn nước được ví như “động cơ vĩnh cửu”, quay suốt ngày đêm và có thể đưa nước lên cao tới 7 - 8 m, giúp bà con đưa nước vào ruộng trồng lúa nước, đưa nước về tận chái nhà để sinh hoạt. Do cuộc sống hiện đại và hệ thống máy móc phát triển nên việc tưới tiêu của các bản người Tày đã được cơ giới hóa bằng máy bơm. Nhưng những kiến thức bản địa về đào mương, đắp phai, bắc máng vẫn được người dân sử dụng trong một số hộ gia đình có diện tích canh tác nhỏ và trên các vùng rẻo cao.

Để cây sinh trưởng tốt, người Tày chủ yếu sử dụng phân chuồng là nguồn phân bón chính và quy định mỗi giống lúa sử dụng 1 gánh phân chuồng. Sự kết hợp giữa phân chuồng và phân xanh tạo cho chất đất tơi xốp, màu mỡ, giúp cây trồng phát triển tốt, năng suất, sản lượng cao. Phân xanh cung cấp dinh dưỡng cho chính các loại cây xen canh trong vụ trồng; từ xa xưa, cha ông họ đã biết công dụng cây phân xanh không chỉ tạo mùn tăng độ tơi xốp cho đất mà còn có khả năng cải tạo liên kết của chất đất; giữ cho đất không bị rửa trôi, xói mòn; giảm nhiệt và giữ ẩm cho đất ở vùng có khí hậu khô nóng. Hướng đi trong tương lai của nền nông nghiệp hữu cơ đòi hỏi cần có sự áp dụng linh hoạt của nhiều

phương pháp tái tạo bền vững; trong đó việc sử dụng cây phân xanh sẽ là một trong những giải pháp quan trọng.

### 3.2.3. Kiến thức bản địa về mùa vụ

Trước đây việc gieo cấy của người dân thường dựa vào một loại cây có tên gọi là *cò kháng khá* thường mọc ở dọc bờ suối để gieo cấy, vì vậy người Tày có câu: “*Tham pu lông chá, há pu nằm là*” tức là khi cây *cò kháng khá* được ba lá thì gieo mạ, năm lá thì cấy. Một số kinh nghiệm khác được đúc kết thành các câu ca dao tục ngữ như “*Mang chũng giá xì, giả trí giá là*” có nghĩa là “sau hạ trí thì thôi cấy ruộng”.

Ngoài ra, người Tày còn có một số kinh nghiệm tìm ra mối quan hệ giữa sự thay đổi thời tiết với quy trình sản xuất để có một mùa vụ thắng lợi. Họ thường nhắc nhở nhau: “*Thây nà lập đông, khấu tằm nà*” (cày ruộng vào lúc lập đông, thóc lúa đầy đồng) còn nếu không đúng thời điểm thì sẽ mất mùa: “*đăm nà khấu bron chát, khấu mí đo kin*” (cày ruộng lúc tháng 7, gạo không đủ ăn); hoặc là khi thấy rêu ở suối nổi lên thành mảng - đây là dấu hiệu thời tiết chuẩn bị mưa hoặc khi cá chài bơi ngược dòng suối - đây là dấu hiệu thời tiết mưa và có lũ vì cá chài thường bơi đón nước lũ để đẻ trứng.

Sống hòa mình với thiên nhiên, các hiện tượng tự nhiên gần gũi quanh cuộc sống như: quả chín, hoa nở, gà gáy... trở thành dấu hiệu để người Tày thực hiện đúng thời điểm canh tác.

Hiện nay, có lực lượng cán bộ khuyến nông hoạt động ở mỗi xã, vì vậy mùa vụ của người dân ở đây thường xuyên được thực hiện theo nông lịch chung cho toàn xã. Những kinh nghiệm truyền thống vẫn được người dân áp dụng nhưng đang bị mất dần vì sự phát triển của xã hội.

## 4. Kết luận và khuyến nghị

### 4.1. Kết luận

Tài sản lớn nhất và năng lực cạnh tranh tốt nhất của các cộng đồng người dân tộc thiểu số là hệ thống tri thức bản địa mà họ đang sở hữu. Hệ thống này bao gồm: các kiến thức canh tác truyền thống, các phương pháp và kỹ thuật chăn nuôi trồng trọt, các giống cây con bản địa, các năng lực thích ứng và dự báo về thời tiết khí hậu...

Sử dụng thế mạnh địa phương/tri thức bản địa sẽ giúp cho các sản phẩm của các cộng đồng người dân tộc thiểu số có tính cạnh tranh cao và giúp họ ít bị phụ thuộc vào các dịch vụ giống và hỗ trợ kỹ thuật từ bên ngoài. Thị trường Việt Nam hiện nay cũng cho thấy các sản phẩm bản địa (lợn bản địa, lúa bản địa) có giá thường cao hơn sản phẩm công nghiệp sử dụng giống lai.

Các cây trồng vật nuôi bản địa có tính phù hợp cao với tiểu khí hậu của địa phương, ít bị sâu bệnh hơn các giống đến từ bên ngoài.

Những năm gần đây, phong trào chuyển đổi cây trồng kém hiệu quả sang những cây trồng có giá trị kinh tế cao được nhiều địa phương tích cực thực hiện, nhất là vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Phục hồi, bảo tồn và phát huy các giống cây, con bản địa được chính quyền các địa phương và người dân đặc biệt quan tâm, tạo nên những thương hiệu đặc trưng riêng có của từng địa phương. Tuy nhiên, thực tế cho thấy, các kỹ thuật trong canh tác, chăn nuôi, chăm sóc cây, con giống bản địa chưa được nông dân chú trọng. Đa số các hộ nông dân được khảo sát trên địa bàn huyện Chợ Mới, Na Ri, Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn đều trồng, chăm sóc chưa có quy trình cụ thể, điều này làm các sản phẩm chưa có tính đồng nhất cao, do đó khó tiếp cận thị trường ở qui mô lớn.

Những năm gần đây, tại một số hộ gia đình xuất hiện nhiều loại bệnh trên động vật và sâu

hại trên cây trồng gây ảnh hưởng đến năng suất, chất lượng cây, con bản địa; sẽ là nguy cơ làm một số loài bị thoái hóa nguồn gen, thậm chí dần biến mất.

#### **4.2. Một số khuyến nghị**

Trước thực trạng nguồn gen nhiều loại cây, con giống bản địa ở Bắc Kạn đang có nguy cơ thoái hóa; muốn duy trì, khai thác hiệu quả và bền vững thì cần tuyển chọn những cây, con đầu dòng, sạch bệnh nhằm cung cấp vật liệu tốt nhất để nhân giống phục vụ sản xuất. Đồng thời cần nghiên cứu các biện pháp tăng năng suất, chất lượng, từ đó đưa ra quy trình sản xuất phù hợp với điều kiện sinh thái của từng địa phương.

Tuy nhiên, nếu chỉ dừng lại ở việc thu thập, phục tráng nguồn gen mà không kết hợp nhiều giải pháp song hành khác trong tìm kiếm thị trường, xây dựng thương hiệu thì hiệu quả của công tác bảo tồn khó được phát huy. Cùng với đó, cần xây dựng các mô hình bảo tồn và phát triển cây, con bản địa nhằm từng bước hình thành vùng sản xuất hàng hóa, tạo nguồn nguyên liệu phong phú phục vụ phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

Phát triển dựa trên thế mạnh và nguồn tri thức bản địa mang ý nghĩa cao về mặt xã hội, khẳng định giá trị của các cộng đồng vùng sâu, vùng xa là chủ thể của một kho tàng tri thức và văn hóa vô giá và nếu được khai thác, sử dụng hợp lý; sẽ đảm bảo cho các cộng đồng dân tộc thiểu số phát triển bền vững dựa trên chính những gì họ có. Vì vậy, để nâng cao giá trị sản phẩm bản địa, ngoài áp dụng khoa học kỹ thuật phát triển thì đồng thời phải khai thác được những tri thức của các thế hệ trước để lại. Bảo vệ và phát huy những giá trị đó có ý nghĩa quan trọng trong việc bảo tồn các tri thức bản địa của các dân tộc thiểu số góp phần làm phong phú thêm giá trị truyền thống của dân tộc Việt Nam./.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Báo ảnh Dân tộc và Miền núi (2017), *Kinh nghiệm sản xuất nông nghiệp qua tục ngữ người dân tộc Tày* <https://dantocmiennui.vn/kinh-nghiem-san-xuat-nong...>, truy cập ngày 20/10/2023.
2. Báo Bắc Kạn điện tử (2023), *Chính sách tạo động lực cho sản xuất nông nghiệp hàng hóa*, <https://baobackan.com.vn/bai-3-chinh-sach-tao-dong-l...>; truy cập ngày 17/11/2023.
3. Báo Quân đội nhân dân (2023), *Khôi phục, bảo tồn cây bản địa ở bản vùng cao*, <https://www.qdnd.vn/.../Chính-sách-Phát-triển>, truy cập ngày 17/11/2023.
4. Báo Nhân Dân điện tử (2023), *Bắc Kạn cơ cấu lại ngành nông nghiệp*, <https://nhandan.vn/bac-kan-co-ca...>; truy cập ngày 17/11/2023.
5. Báo Nông Nghiệp (2023), *Kiến thức bản địa là chìa khóa cho hệ thống lương thực, thực phẩm bền vững*, <https://nongnghiep.vn/kien-thuc-b...>, truy cập ngày 07/11/2023.
6. Nhóm NCM - Học viện Nông nghiệp Việt Nam (2023), *Nghiên cứu và Phát triển cây có củ tiềm năng*, <https://vnua.edu.vn>, truy cập ngày 20/10/2023.
7. Tạp chí Chăn nuôi Việt Nam (2023), *Chăn nuôi đặc sản bản địa: Cải thiện để phát triển bền vững*, <https://nhachannuoi.vn/chan-nuoi-dac-san-ban-dia>; truy cập ngày 14/11/2023.
8. Trần Văn Điền, Hồ Ngọc Sơn (2014), *Kiến thức bản địa của người dân tộc thiểu số miền núi phía Bắc trong thích ứng với biến đổi khí hậu*, Hội thảo quốc tế “Phát triển bền vững và xóa đói giảm nghèo cho người dân tộc thiểu số miền núi phía Bắc” ngày 11-13 /6/2014.
9. Trung tâm Hỗ trợ Giá trị bản địa và Môi trường bền vững (2023), *Một số giống và kiến thức bản địa trong lĩnh vực nông nghiệp của cộng đồng dân tộc thiểu số tỉnh Bắc Kạn*, Báo cáo kết quả nghiên cứu Dự án Làng sinh thái nông nghiệp bền vững, sản xuất sạch và an toàn tại tỉnh Bắc Kạn (tháng 10/2023).
10. UBND tỉnh Bắc Kạn (2023), *Thông báo dân số trung bình chính thức năm 2022 và sơ bộ năm 2023 của tỉnh Bắc Kạn*, <https://backan.gov.vn/thong-bao-dan-so-trung-binh...>; truy cập ngày 17/11/2023.

### Thông tin tác giả:

Trần Ngọc Ngoạn - Viện Địa lý nhân văn

Nguyễn Văn Anh - Trung tâm Hỗ trợ Giá trị bản địa và Môi trường bền vững

Địa chỉ liên hệ: P. 1902, CT2 Skylight, 125D Minh Khai, Hà Nội

Email: [chiaseanhnv@gmail.com](mailto:chiaseanhnv@gmail.com); ĐT: 0912 532 648

### Nhật ký tòa soạn:

Ngày nhận bài: 20/11/2023

Biên tập: 12/2023